



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần : TIẾNG NHẬT ĐỌC VIẾT 4
- Mã học phần : JAP449
- Số tín chỉ : 2 TC (2/0/4)
- Bậc đào tạo : Đại học
- Loại học phần : Bắt buộc
- Học phần trước : Tiếng Nhật Nghe Nói 3 (JAP439), Tiếng Nhật Đọc Viết 3 (JAP448), Tiếng Nhật Ngữ Pháp 3 (JAP460)
- Đơn vị phụ trách : Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ : 30, trong đó:
  - Lý thuyết : 30 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên : Mai Thanh Tuyền
- Chức danh, học vị : Cử nhân
- Thời gian làm việc : 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc : Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại : 0909468726
- Email : tuyenmt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên : Cao Thị Phương Thảo
- Chức danh, học vị : Cử nhân
- Thời gian làm việc : 8:00 -16:00

- Địa điểm làm việc : Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại : 0919806086
- Email : thaoctp@vhu.edu.vn

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho người học phát âm thuần thục và ngữ điệu 80% như giọng bản ngữ thông qua kỹ năng đọc hiểu tiếng Nhật cấp độ N4 theo chuẩn JLPT (Năng lực Nhật ngữ quốc tế). Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật,...Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật,...Ngoài ra, học phần còn trang bị thêm cho người học khoảng 300 từ vựng, 150 từ kanji mới ở cấp độ tương ứng.

### 4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật,...;
- Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật,...;
- Hiểu được ý nghĩa khoảng 100 mẫu ngữ pháp Sơ cấp;
- Hiểu được khoảng 300 từ vựng, 150 từ kanji cấp độ N4;

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã<br>CDR        | Nội dung chuẩn đầu ra<br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                      |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b> |                                                                                                       |
| CLO1             | Hiểu biết kiến thức ngữ pháp tổng quát trình độ Sơ cấp.                                               |
| CLO2             | Nắm bắt chi tiết nội dung của các đoạn văn về chủ đề: sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật,... . |
| CLO3             | Nắm bắt tổng quan về cách hình thành dàn ý và triển khai ý khi viết đoạn văn trình độ Sơ cấp.         |
| CLO4             | Ghi nhớ 300 từ vựng liên quan trong trình độ Sơ cấp.                                                  |

| <b>Mã<br/>CDR</b>                   | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b><br>(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)                                         |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kỹ năng</b>                      |                                                                                                                 |
| CLO5                                | Đọc được các chủ đề liên quan đến sinh hoạt, du lịch, mua sắm, văn hoá Nhật,...                                 |
| CLO6                                | Viết đoạn văn giới thiệu cơ bản về bản thân, gia đình, sở thích, tương lai, lý do học tiếng Nhật,...            |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                                 |
| CLO7                                | Tích cực, chủ động trong học tập.                                                                               |
| CLO8                                | Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp. |
| CLO9                                | Lên kế hoạch, tổ chức, phân công nhóm.                                                                          |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần**

| <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>PLO 1</b> | <b>PLO 2</b> | <b>PLO 3</b> | <b>PLO 4</b> | <b>PLO 5</b> | <b>PLO 6</b> | <b>PLO 7</b> | <b>PLO 8</b> | <b>PLO 9</b> | <b>PLO 10</b> | <b>PLO 11</b> | <b>PLO 12</b> | <b>PLO 13</b> |
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| CLO1                |              | X            | X            | X            |              |              |              |              |              |               |               |               |               |
| CLO2                |              | X            | X            | X            |              |              |              |              |              |               |               |               |               |
| CLO3                |              |              |              | X            | X            |              |              |              |              |               |               |               |               |
| CLO4                |              | X            | X            | X            | X            |              |              |              |              |               |               |               |               |
| CLO5                |              | X            | X            | X            |              |              |              |              |              |               |               |               |               |
| CLO6                |              |              | X            | X            | X            |              |              |              |              |               |               |               |               |

| Chuẩn đầu ra | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 |
|--------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|
| CLO7         |       |       |       |       |       |       | X     | X     |       |        | X      |        |        |
| CLO8         |       |       |       |       | X     | X     | X     |       |       |        |        |        |        |
| CLO9         |       |       |       |       |       |       |       |       | X     |        |        | X      |        |

**Ghi chú:** PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

| Bài           | Nội dung     | Đáp ứng CLOs                       |
|---------------|--------------|------------------------------------|
| <b>Bài 38</b> | 消したいもの       | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 39</b> | 万次郎          | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 40</b> | 常識           | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 41</b> | ロボットといっしょ    | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 42</b> | 肉を食べると       | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 43</b> | お元気ですか       | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 44</b> | カレー          | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 45</b> | 119 番に電話をかける | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |

| Bài           | Nội dung | Đáp ứng CLOs                       |
|---------------|----------|------------------------------------|
| <b>Bài 46</b> | いとこの長靴   | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 47</b> | 空を飛ぶ自動車  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 48</b> | 竹取物語     | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 49</b> | 人生       | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |
| <b>Bài 50</b> | 紫式部に聞く   | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 |

## 6.2. Thực hành

|        | Nội dung                                                            | Đáp ứng CLOs           |
|--------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 6.2.1. | <b>Bài tập cá nhân</b>                                              |                        |
|        | - Người học được luyện tập viết các đoạn văn theo từng chủ đề.      | CLO5, CLO7, CLO8       |
|        | - Người học được luyện tập đọc các đoạn văn theo từng chủ đề.       | CLO6, CLO7, CLO8       |
| 6.2.2. | <b>Bài tập nhóm</b>                                                 |                        |
|        | - Người học chia nhóm để hoàn thành các bài tập luyện đọc nâng cao. | CLO5, CLO7, CLO8, CLO9 |

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

| Bài  | Tên bài        | Số tiết tín chỉ |         |           |        |      | Ghi chú |
|------|----------------|-----------------|---------|-----------|--------|------|---------|
|      |                | Lý thuyết       | Bài tập | Thực hành | Tự học | Tổng |         |
| 38   | 消したいもの         | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 39   | 万次郎            | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 40   | 常識             | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 41   | ロボットといっしょ      | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 42   | 肉を食べると         | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 43   | お元気ですか         | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 44   | カレー            | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 45   | 1 1 9 番に電話をかける | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 46   | いとこの長靴         | 2               |         |           | 4      | 6    |         |
| 47   | 空を飛ぶ自動車        | 3               |         |           | 6      | 9    |         |
| 48   | 竹取物語           | 3               |         |           | 6      | 9    |         |
| 49   | 人生             | 3               |         |           | 6      | 9    |         |
| 50   | 紫式部に聞く         | 3               |         |           | 6      | 9    |         |
| Tổng |                | 30              |         |           | 60     | 90   |         |

### CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. ....
2. ....
3. ....

## 8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Đọc và giải thích nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài tập viết văn về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| <b>Phương pháp giảng dạy</b>        | <b>CLO 1</b> | <b>CLO 1</b> | <b>CLO 3</b> | <b>CLO 4</b> | <b>CLO 5</b> | <b>CLO 6</b> | <b>CLO 7</b> | <b>CLO 8</b> | <b>CLO 9</b> |
|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Đọc và giải thích nội dung tài liệu | X            | X            | X            | X            | X            |              |              |              |              |
| Tư duy cá nhân                      |              |              |              |              |              | X            | X            | X            |              |
| Tự học                              |              |              |              |              |              |              | X            | X            |              |
| Thảo luận                           |              |              |              |              |              |              | X            | X            | X            |

## 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| <b>Phương pháp học tập</b> | <b>CLO 1</b> | <b>CL O2</b> | <b>CL O3</b> | <b>CL O4</b> | <b>CL O5</b> | <b>CL O6</b> | <b>CL O7</b> | <b>CLO 8</b> | <b>CL O9</b> |
|----------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Làm việc nhóm              | X            | X            | X            | X            | X            |              | X            | X            | X            |
| Tự học                     | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            | X            |              |

## 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- a. Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- b. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tổng hợp

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

| Hình thức đánh giá | CL O1 | CL O2 | CL O3 | CL O4 | CL O5 | CL O6 | CL O7 | CL O8 | CL O9 |
|--------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng hợp           | X     | X     | X     | X     | X     |       |       |       |       |
| Dự lớp             | X     | X     | X     | X     | X     | X     | X     | X     | X     |

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2008 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)**

**13.1. Tài liệu chính**

- みんなの日本語初級 II – 本冊、スリーエーネットワーク出版
- みんなの日本語初級 II トピック 25、スリーエーネットワーク出版
- みんなの日本語初級 II 漢字、スリーエーネットワーク出版

**13.2. Tài liệu tham khảo**

- みんなの日本語初級 II - ベトナム語語彙訳、スリーエーネットワーク出版

*TP.Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm*

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trưởng khoa/Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

**Nguyễn Thị Hồng Yến**

**Mai Thanh Tuyền**